TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/ HNGĐ – ST
Ngày: 03-8- 2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Lan.

Ông Nguyễn Thanh Phong.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 373/2015/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2015; Thụ lý phản tố ngày 04/3/2016; Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 10/2016/QĐ – GHXX ngày 05/7/2016; Quyết định Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 12/2016/QĐ – HNGĐ ngày 06/9/2016; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 09/2016/QĐ – TA ngày 15/12/2016; Thụ lý theo yêu cầu độc lập ngày 09/01/2017; Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử số 09/2017/QĐ – GHXX ngày 09/5/2017. Về việc:*"Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung"; "Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản" và "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST –HNGĐ ngày 04/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị Ngọc Y - Sinh năm 1988.

Bị đơn – Bị đơn có yêu cầu phản tố : Nguyễn Anh T – Sinh năm 1983.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Minh C – sinh năm 1963.

2/ Bà Trương Thị M – sinh năm 1963.

3/ Bà Phạm Thị Ngọc V – sinh năm 1985.

4/ Bà Phạm Thị Ngọc O – sinh năm 1994.

5/ Ông Phạm Ngọc L – sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà V, bà O, ông L: Ông Phạm Minh C. Theo giấy ủy quyền ghi ngày 14/02/2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1/ Ông Trần Ngọc C – sinh năm 1965.

2/ Bà Tăng Thị G – sinh năm 1965.

Do ông Trần Ngọc C đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền ghi ngày 31/7/2017.

Cùng địa chỉ: Xóm A, thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

3/ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Duy T – sinh năm 1978; Giám đốc Phòng giao dịch huyện Hàm Thuận Bắc. Theo quyết định số 1792/QĐ – NHCS ngày 09/6/2015 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hữu T – Phó giám đốc Phòng giao dịch huyện Hàm Thuận Bắc. Theo giấy ủy quyền lại số 210/UQ – NHCS ghi ngày 06/12/2016.

Có mặt các bên đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/10/2015 và tại bản khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc Y trình bày: Chị với anh Nguyễn Anh T cưới nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian khoản 04 tháng. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại nhà anh T được một thời gian rồi về nhà chị sống, bởi vì anh T làm nghề gặt máy, nếu có người gọi đi đâu thì vợ chồng cùng đi, anh T đi làm máy, còn chị ở nhà phụ việc gia đình được một năm thì vợ chồng cất nhà ra ở riêng trên đất của cha mẹ

chị. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống anh T thường xuyên ăn nhậu rồi về gây chuyện với chị, nhưng chị vẫn cố chịu đựng. Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã, anh T thường hăm dọa có ngày sẽ giết chị rồi anh dí súng săn vào đầu, cổ rồi đánh chị, đã nhiều lần hai bên gia đình đứng ra hòa giải, nhưng anh T vẫn tính nào tật ấy, không sửa đổi khắc phục. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ cuối tháng 9/2015 cho đến nay, anh T đã bỏ về quê anh ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

Tại bản khai và trong đơn khởi kiện theo yêu cầu phản tố ngày 23/02/2016 bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày: Anh với chị Y cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu thời gian một năm. Sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn D, xã T, huyện H. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày, chị Y không tôn trọng anh, cứ mỗi lần vợ chồng có chuyện cãi nhau thì chị Y chửi đuổi anh ra khỏi nhà và xúc phạm anh, hơn nữa anh theo quê vợ sống, nên gia đình bên vợ không xem anh ra gì, anh bỏ về nhà anh ở từ tháng 9/2015 cho đến nay. Nay chị Y đưa đơn khởi kiện ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng cũng không còn gì, anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà V, bà O, ông L- ông Phạm Minh C trình bày: Việc vợ chồng Y - T không ăn ở được với nhau nữa thì Tòa án giải quyết ly hôn theo ý kiến của hai bên. Đối với đất cất nhà, trồng thanh long, đào ao là của gia đình ông, khi vợ chồng Y – T xây dựng nhà, canh tác là ông có đồng ý cho mượn để làm chứ không phải là ông cho vợ chồng Y – T. Nay vợ chồng Y – T ly hôn, không chung sống với nhau nữa thì tài sản trên đất vợ chồng Y – T cứ làm, cứ sử dụng, còn đất của ông thì vẫn là của ông. Ngoài ra ông không trình bày, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Trần Ngọc C, bà Tăng Thị G trình bày: Vào năm 2015 khi vợ chồng Y – T còn chung sống thì có mua phân thuốc của vợ chồng ông và còn nợ số tiền là 26.683.000đ (hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng). Nay vợ chồng ông bà yêu cầu anh T, chị Y phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền mua phân thuốc còn nợ là 26.683.000đ (hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng). Ngoài ra ông bà không yêu cầu gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Hữu T trình này: Vào năm 2015 chị Phạm Thị Ngọc Y có đứng tên vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vốn là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Hiện nay anh T, chị Y ly hôn nhau, do vậy Ngân hàng yêu cầu anh T, chị Y phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 03/8/2017 là 21.595.000đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) trong đó tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 03/8/2017 là 1.595.000đ và lãi suất phát sinh tiếp theo theo hợp đồng.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim T – Sinh ngày 10/3/2011, Nguyễn Thị Như Q – Sinh ngày 05/3/2014. Hiện nay cháu T đang ở với anh T, còn cháu Q đang ở với chị Y.

Khi ly hôn chị Y, anh T cùng thống nhất thỏa thuận là chị Y được quyền tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Như Q – Sinh ngày 05/3/2014, còn anh T được quyền tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Kim T – Sinh ngày 10/3/2011. Chị Y, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Y, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các con chung.

Về tài sản: Anh T, chị Y thống nhất có một số tài sản như sau:

- 01 ngôi nhà cấp 4C diện tích 51,41m^2 (được xây dựng trên đất của ông Phạm Minh C - cha chị Y, tọa lạc tại thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận trị giá 101.483.340đ ;

- 500 trụ thanh long trồng năm 2011, trồng trên đất của ông Phạm Minh C- cha chị Y trị giá 215.000.000đ (Hai trăm mười lăm triệu đồng);

- 01 cái ao thể tích 630m^3 trị giá 18.900.000đ (Mười tám triệu chín trăm nghìn đồng);

- Lưới B40 xung quang ao dài 90m trị giá 1.134.000đ (Một triệu một trăm ba mươi bốn nghìn đồng);

- 01 con bò cái trị giá 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Ngoài ra còn có một số tài sản như: 01 cái tủ lạnh; 01 máy cắt cỏ; 01 mô tơ; 01 bình xịt thuốc bằng máy anh T, chị Y anh T đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với con bò con anh T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn anh Nguyễn Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết giao toàn bộ tài sản có trên đất của ông C cho chị Y sử dụng và chị Y hoàn tiền chênh lệch chia tài sản có trên đất cho anh theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh T chỉ yêu cầu sau khi khấu trừ đi số nợ, chị Y chỉ hoàn lại tiền chênh lệch chia tài sản cho anh T số tiền 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng).

Chị Phạm Thị Ngọc Y không đồng ý theo yêu cầu của anh T. Tại Tòa hôm nay chị Y yêu cầu chia toàn bộ số tài sản trên bằng hiện vật theo quy định của pháp luật, nếu không giao hết tất cả các tài sản chung của vợ chồng cho anh T và anh T trả nợ, chị chỉ nhận con bò.

Ông Phạm Minh C có ý kiến tài sản của vợ chồng Y – T nằm trên đất của ông thì cứ giải quyết theo quy định, nhưng ông có ý kiến để cho vợ chồng Y – T (kể cả T) sử dụng cho đến khi không còn sử dụng nữa thì trả lại đất cho ông, còn đất thì vẫn là của ông, ông không cho ai và không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh T, chị Y thống nhất có nợ:

- Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc và lãi tính đến ngày 03/8/2017 là 21.595.000đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) .

- Ông Trần Ngọc C, bà Tăng Thị G ở Thôn B, xã T: 26.683.000đ (Hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Khi ly hôn anh T, chị Y thống nhất mỗi người trả một nửa số nợ nêu trên. Ngoài ra chị Y khai có nợ bà T số tiền 3.000.000đ và anh T khai có nợ mẹ anh là bà L số tiền 50.000.000đ nhưng chị Y, anh T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Về Hôn nhân giữa chị Y với anh T đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và yêu cầu được ly hôn với nhau. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật nên công nhận. Về con chung: Do chị Y và anh T đã thỏa thuận với nhau về nuôi con nên công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Đối với tài sản thấy rằng: Tổng giá trị tài sản của vợ chồng là 354.517.340 đồng sẽ được chia 2, mỗi người được 177.258.670 đồng. Tất cả các tài sản này hiện nay chị Y đang sử dụng, nên giao cho chị Y tiếp tục quản lý, sử dụng và chị Y hoàn tiền chênh

lệch chia tài sản cho anh T là phù hợp. Đối với nợ chung: Tổng số nợ của vợ chồng là 48.037.665đ. Đây là nợ chung của vợ chồng nên mỗi người phải trả ½ là 24.018.832 đồng. Tuy nhiên, chị Y được nhận tài sản nên buộc chị Y trả hết nợ và sẽ trừ vào tiền chia tài sản cho anh T là phù hợp. Số tiền chia tài sản đáng lý ra mà chị Y phải hoàn trả cho anh T sau khi trừ tiền nợ là 153.239.838 đồng. Tuy nhiên, anh T chỉ yêu cầu chị Y hoàn trả 100.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của anh T nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật: Chị Y yêu cầu được ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung với anh T. Anh T có yêu cầu phản tố đối với phần tài sản chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung. Anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã T, huyện H. Hơn nữa tài sản tranh chấp là nhà và thanh long có trên đất tọa lạc tại xã T, huyện H. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về nội dung: Chị Y với anh Nguyễn Anh T cưới nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng anh chị chung sống với nhau được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống hàng ngày anh chị không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và anh T đã bỏ về nhà mẹ anh ở từ tháng 9/2015 cho đến nay. Nay chị Y anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai cùng yêu cầu được ly hôn với nhau. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên công nhận.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim T – Sinh ngày 10/3/2011, Nguyễn Thị Như Q – Sinh ngày 05/3/2014. Hiện nay cháu T đang ở với anh T, còn cháu Q đang ở với chị Y. Khi ly hôn chị Y, anh T cùng thỏa thuận là chị Y được quyền tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Như Q – Sinh ngày 05/3/2014, còn anh T được quyền tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Kim T – Sinh ngày 10/3/2011. Chị Y,

anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn phù hợp đúng pháp luật, nên công nhận.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết chị Y, anh T đều xác định, thống nhất tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- 01 ngôi nhà cấp 4C diện tích 51,41m^2 được xây dựng trên đất của ông Phạm Minh C trị giá 101.483.340đ ;

- 500 trụ thanh long trồng trên đất của ông Phạm Minh C trị giá 215.000.000đ; 01 cái ao thể tích 630m^3 trị giá 18.900.000đ; Lưới B40 xung quanh ao dài 90m trị giá 1.134.000đ;

- 01 con bò cái trị giá 18.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản 354.517.340đ. Toàn bộ số tài sản trên hiện đang tồn tại trên đất của ông Phạm Minh C (cha chị Y) và được chị Y đang quản lý sử dụng, do vậy nên giao cho chị Y được quyền tiếp tục sử dụng và chị Y có nghĩa vụ hoàn tiền chênh lệch chia tài sản cho anh T là phù hợp.

Đối với yêu cầu của chị Y yêu cầu chia toàn bộ số tài sản trên bằng hiện vật theo quy định của pháp luật, nếu không chị giao hết cho anh T và anh T trả nợ, chị chỉ nhận con bò. Hội đồng xét xử thấy rằng: Toàn bộ số tài sản trên đang tồn tại trên đất của ông C, nếu chia cho anh T bằng hiện vật là số trụ thanh long thì anh T sẽ không có đủ điều kiện thuận lợi trong việc canh tác sử dụng. Do đó yêu cầu này của chị Y không được chấp nhận.

Đối với số tiền nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H số tiền vốn và lãi đến ngày 03/8/2017 là 21.595.000đồng và nợ tiền mua phân thuốc của ông Trần Ngọc C, bà Tăng Thị G 26.683.000 đồng. Tổng số nợ của vợ chồng là 48.278.000đ. Đây là nợ chung của vợ chồng, nên mỗi người phải trả ½ là 24.139.000đồng. Tuy nhiên, chị Y được nhận toàn bộ số tài sản, nên buộc chị Y trả hết số nợ trên và sẽ được trừ vào tiền chênh lệch chia tài sản cho anh T là phù hợp.

Như vậy tổng số tài sản của chị Y, anh T có giá trị là 354.517.340đ, trừ đi khoản tiền nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh H và tiền nợ của ông Trần Ngọc C tổng số tiền 48.278.000đ, còn lại 306.239.340đ. Nếu chia tài sản chung bằng tiền chị Y, anh T mỗi người được 153.119.670 đồng. Tuy nhiên trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh T chỉ yêu cầu chị Y hoàn trả lại cho anh số tiền 100.000.000đ tiền chênh lệch chia tài sản. Xét đây là sự tự nguyện của anh T, nên ghi nhận.

Đối với các tài sản khác như tủ lạnh, máy cắt cỏ, mô tơ, bình xịt thuốc, bò con thì chị Y, anh T không yêu cầu giải quyết, nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Đối với số tiền nợ của bà Ngô Thị T (N) và bà Nguyễn Thị Hoa L Tòa án đã tống đạt thông báo đến cho bà T và bà L, nhưng bà T và bà L không có đơn khởi kiện theo yêu cầu độc lập gởi đến Tòa, do vậy Tòa không thụ lý giải quyết.

Riêng đối với đất xây dựng nhà và đất trồng thanh long, đất đào ao diện tích 6.101.3 m^2 thuộc thửa đất số 388, diện tích 75.048m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 790852 ngày 31/12/1997 cấp đứng tên ông Phạm Minh C. Trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay ông C đều cho rằng đất này của vợ chồng ông, ông cho vợ chồng Y – T cất nhà trồng thanh long để ở canh tác làm ăn, nếu vợ chồng ly hôn nhau thì ông để cho vợ chồng tiếp tục canh tác trên đất, kể cả anh T, chứ ông không có yêu cầu gì. Do vậy, nếu sau này giữa hộ ông C và chị Y có tranh chấp với nhau về số diện tích đất xây dựng nhà và trồng thanh long thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Từ những phân tích nêu trên, nên ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là hoàn toàn có căn cứ.

Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

+ Về án phí: Chị Y và anh T mỗi người phải chịu ½ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Y phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản chị được nhận là 206.239.340đ và án phí đối với khoản tiền trả nợ là 24.139.000đồng.

Anh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản anh được nhận là 100.000.000đ và án phí đối với khoản tiền trả nợ là 24.139.000đồng.

Ông C, bà M, bà V, bà O, ông L , Ngân hàng chính sách và ông C, bà G không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chị Y, anh T mỗi người phải chịu ½ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Ông C, bà M, bà V, bà O, ông L, Ngân hàng chính sách và ông C, bà G không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 428, Điều 438, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 91, Điều 146, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số10/2009/Pl – UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án. Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Anh T.

2/ Về con chung: Công nhận việc thỏa thuận nuôi con giữa chị Y và anh T như sau:

- Về nuôi con: Chị Phạm Thị Ngọc Y được quyền tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Như Q – Sinh ngày 05/3/2014.

Anh Nguyễn Anh T được quyền tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị Kim T – Sinh ngày 10/3/2011.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các con chung.

3/ Về tài sản**:**

Giao cho chị Phạm Thị Ngọc Y được quyền tiếp tục sở hữu sử dụng toàn bộ số tài sản của vợ chồng gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4C diện tích 51,41m^2 trị giá 101.483.340đ ;
- 500 trụ thanh long trị giá 215.000.000đ;
- 01 cái ao thể tích 630m^3 trị giá 18.900.000đ;
- Lưới B40 xung quang ao dài 90m trị giá 1.134.000đ;
- 01 con bò cái trị giá 18.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản 354.517.340đ. Toàn bộ số tài sản trên có trên diện tích đất 6.101.3 m^2 thuộc thửa đất số 388, diện tích 75.048m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 790852 ngày 31/12/1997 cấp đứng tên ông Phạm Minh C. Vị trí thửa đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Phạm Minh C; Tây giáp đất ông Phạm Minh C; Nam giáp đất ông Phạm Minh C; Bắc giáp đất ông Phạm Minh C (Có trích lục bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 10/8/2016 kèm theo).

Chị Phạm Thị Ngọc Y có nghĩa vụ hoàn tiền chênh lệch chia tài sản cho anh Nguyễn Anh T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Anh Nguyễn Anh T được nhận tiền chênh lệch chia tài sản do chị Phạm Thị Ngọc Y hoàn trả số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Về nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện H và của ông Trần Ngọc C, bà Tăng Thị G – Do ông C đại diện theo ủy quyền.

Chị Phạm Thị Ngọc Y phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch huyện H số tiền vốn 20.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày 03/8/2017 là 1.595.000đ, tổng cộng 21.595.000đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) cùng với lãi phát sinh tiếp theo theo hợp đồng.

Chị Phạm Thị Ngọc Y phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc C, bà Tăng Thị G số tiền mua phân thuốc còn nợ 26.683.000đ.

Đình chỉ xét xử giải quyết phần tài sản gồm:Tủ lạnh, máy cắt cỏ, mô tơ, bình xịt thuốc và con bò con.

Hộ ông Phạm Minh C được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác về số diện tích đất xây dựng nhà ở, trồng thanh long, đào ao đối với chị Phạm Thị Ngọc Y.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành, mức lãi suất như sau:

- Theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm, trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật;

- Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm.

4/ Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Về án phí:

Chị Phạm Thị Ngọc Y phải chịu 100.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 11.518.900đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 11.618.900đ. Chị Y đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 871.500đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004412 ngày 29/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Còn lại số tiền 10.747.400đ chị Y phải tiếp tục nộp.

Anh Nguyễn Anh T phải chịu 100.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 6.206.950đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 6.306.950đ. Anh T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007978 ngày 04/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Còn lại số tiền 1.306.950đ anh T phải tiếp tục nộp.

Ông Phạm Minh C, bà Trương Thị M, bà Phạm Thị Ngọc V, bà Phạm Thị Ngọc O, ông Phạm Ngọc L – do ông C đại diện theo ủy quyền; Ngân hàng chính sách xã hội và ông Trần Ngọc C, bà Tăng Thị G – do ông C đại diện theo ủy quyền không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Ngọc C, bà Tăng Thị G số tiền 667.000đ do ông C, bà G nộp tạm ứng án phí 667.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0011659 ngày 09/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

+ Về chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chị Phạm Thị Ngọc Y phải chịu 3.228.500đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 400.000đ chi phí định giá tài sản, tổng cộng 3.628.500đ để hoàn trả cho anh Nguyễn Anh T.

Anh Nguyễn Anh T phải chịu 3.228.500đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 400.000đ chi phí định giá tài sản, tổng cộng 3.628.500đ. Anh T đã nộp 7.257.000đ tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, còn lại số tiền 3.628.500đ do chị Phạm Thị Ngọc Y hoàn trả cho anh Nguyễn Anh T.

Ông Phạm Minh C, bà Trương Thị M, bà Phạm Thị Ngọc V, bà Phạm Thị Ngọc O, ông Phạm Ngọc L – do ông C đại diện theo ủy quyền; Ngân hàng chính sách xã hội và ông Trần Ngọc C, bà Tăng Thị G– do ông C đại diện theo ủy quyền không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết